

PHÁT TRIỂN VIỆC LÀM BỀN VỮNG HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU NÉT ZERO CỦA VIỆT NAM NĂM 2050

Nguyễn Văn Đồng, Hoàng Thúy Hà
Trường Đại học Sài Gòn

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 25/10/2022

Ngày phản biện: 27/10/2022

Ngày duyệt đăng: 04/11/2022

Title:

Develop sustainable work
towards net zero of Vietnam
in 2050

Từ khóa:

Kinh tế xanh, môi trường,
việc làm bền vững, mục tiêu
Net zero

Keywords:

Green economy,
environment, sustainable
jobs, Net zero goals

ABSTRACT

Setting the issue of sustainable employment development towards Vietnam's net zero goal by 2050, our article points out the main issues, which are also considered challenges for economic development in Vietnam in the 21st century, that is: ensuring environmental sustainability and the desires of individuals with good jobs will come true, laying the foundation for a stable, productive and cohesive life. social determination. We realize that these major issues are closely related, need to be solved together, and urgently need to be resolved. To clarify the issue, the article is built through the following 4 contents: 1 / Sustainable environment and “good” jobs; 2/ Solutions for decent work; 3 / Problems in job creation; 4 / Developing jobs in line with Net zero Vietnam's goal by 2050.

TÓM TẮT

Đặt vấn đề phát triển việc làm bền vững hướng đến mục tiêu Nét zero của Việt Nam năm 2050, bài viết của chúng tôi xác định các vấn đề chính, cũng được xem là những thách thức cho sự phát triển kinh tế ở thế kỷ 21, đó là: đảm bảo tính bền vững của môi trường và mong muốn của các cá nhân có việc làm tốt sẽ trở thành hiện thực, tạo nền tảng cho một cuộc sống ổn định, hiệu quả và sự gắn kết, ổn định xã hội. Chúng tôi nhận thấy rằng, các vấn đề này có mối liên hệ chặt chẽ, cần được giải quyết cùng nhau và phải giải quyết khẩn cấp. Để làm rõ vấn đề đặt ra, bài viết được triển khai qua 4 nội dung sau: 1/ Môi trường bền vững và việc làm “tốt”; 2/ Giải pháp cho việc việc làm bền vững; 3/ Những trở ngại trong việc tạo dựng việc làm bền vững; 4/ Phát triển việc làm bền vững hướng tới mục tiêu Nét zero của Việt Nam vào năm 2050.

1. Đặt vấn đề

Từ góc độ phát triển kinh tế, môi trường, có thể thấy những thách thức lớn của thế kỷ 21 là đảm bảo tính bền vững của môi trường và vấn đề việc làm chất lượng, bền vững. Đây là hai vấn đề cấp thiết, có mối liên hệ chặt chẽ và phải đồng giải quyết cùng nhau. Trong bối cảnh suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu đòi hỏi phải kêu gọi các doanh nghiệp, thị trường lao động ứng phó và thích ứng, nhưng sẽ không thể đạt được nền kinh tế bền vững về môi trường nếu không có sự đóng góp tích cực của người lao động.

Môi trường và tiến bộ xã hội không còn là hai nền tảng riêng biệt của phát triển bền vững, mà phải được coi là hai khía cạnh gắn bó chặt chẽ với nhau. Xác định được mối quan hệ này, việc phát triển tính bền vững về môi trường sẽ mở ra một con đường rộng lớn để phát triển con người xã hội, với việc làm tốt hơn và nhiều hơn, hòa nhập xã hội và xóa đói giảm nghèo. Định hướng này hoàn toàn có thể đạt được những kết quả tích cực, nhưng đòi hỏi phải có những chiến lược, các chính sách cụ thể, theo mục tiêu của quốc gia, khai thác các lỗ hổng và đối phó với các thách thức hiện tại bằng cách tích hợp các yếu tố khác nhau với ba trụ cột: môi trường, xã hội và công việc tốt, để đảm bảo một quá trình chuyển đổi suôn sẻ và

công bằng sang một môi trường bền vững. Trên thực tế, với một nước đang phát triển với kinh tế thị trường mới nổi như Việt Nam, có rất nhiều cơ hội tạo việc làm

Rõ ràng việc làm ổn định và phát triển “kinh tế xanh” là một sự thay đổi căn bản, cấp bách và cần thiết, nó không còn là vấn đề riêng của một quốc gia hay khu vực, mà nó là vấn đề toàn cầu. Cụ thể, các tổ chức quốc tế, bao gồm Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Ngân hàng Thế giới và Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đang thúc giục thay đổi kịch bản phát triển kinh tế theo thói quen. Sự cần thiết phải có một cách tiếp cận tổng hợp đã được nhấn mạnh, thậm chí rõ ràng hơn với kết quả của Hội nghị Liên hợp quốc về Phát triển bền vững (UNCSD) năm 2012, cũng đã xác định việc làm chất lượng, bền vững là mục tiêu cơ bản và động lực của phát triển bền vững và một nền kinh tế xanh hơn.

2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.1. Môi trường bền vững và việc làm “tốt”

Thực trạng khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo cấp số nhân và sự ô nhiễm môi trường quá mức chắc chắn sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng khan hiếm nước ngọt và đất đai màu mỡ, đồng thời làm tăng tốc độ mất đi sự đa dạng của hệ sinh thái, thậm chí có thể không kiểm soát được. Việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên và sự gia tăng ô nhiễm, đặc biệt là phát thải khí nhà kính (GHG) đang đẩy sức chịu đựng của hành tinh chúng ta đến đỉnh điểm của sự quá tải. Tác động của suy thoái môi trường đối với các nền kinh tế và xã hội có nguy cơ làm mất đi những kết quả tích cực trong phát triển và nỗ lực xóa đói giảm nghèo trong những thập kỷ gần đây. Các lĩnh vực chịu rủi ro, sự tác động lớn nhất từ biến đổi khí hậu là nông nghiệp, lâm nghiệp và đánh bắt thủy sản, ... lại chính là những lĩnh vực đang chiếm giữ lực lượng lao động đa số của Việt Nam.

Suy thoái môi trường, mối đe dọa đối với sản xuất kinh tế: Các nghiên cứu mô hình hóa do Viện Nghiên cứu Xã hội Quốc tế (IILS) thực hiện xác nhận kết luận của các nghiên cứu đánh giá khác: nhiệt độ ngày càng tăng của phát thải khí nhà kính trong khí quyển chắc chắn sẽ làm giảm mức sản

lượng kinh tế và năng suất trong lĩnh vực nông nghiệp. Cụ thể, mô hình Liên kết Kinh tế Vĩ mô Toàn cầu (GEL) (Global Economic Interrelations) của IIES cho thấy mức năng suất vào năm 2030 sẽ thấp hơn 2,4% so với mức hiện tại - và thấp hơn 7,2% so với mức hiện tại vào năm 2050, giả sử hiện trạng được duy trì. Ngày nay, các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể liên quan đến biến đổi khí hậu là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến mất việc làm và thu nhập. Chẳng hạn như tại New Orleans, Hoa Kỳ, cơn bão Katrina đã dẫn đến mất khoảng 40.000 mất việc làm vào năm 2005 [4]. Môi trường suy thoái cũng là một trong những nguyên nhân gây ra các dịch bệnh mang tính toàn cầu, ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm và sự phát triển kinh tế, chẳng hạn gần đây nhất, với đại dịch Covid -19 làm cho hàng trăm triệu doanh nghiệp phá sản, thế giới có khoảng 25 triệu người mất việc làm, riêng Việt Nam có khoảng 1,4 triệu người [4].

Bên cạnh môi trường, các vấn đề xã hội chưa được giải quyết, chẳng hạn như thất nghiệp (đặc biệt là thất nghiệp ở thanh niên), cũng như các vấn đề về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh và cơ sở hạ tầng, làm cho việc giải quyết những khó khăn nảy sinh về môi trường càng trở nên phức tạp hơn. Hai vấn đề của người lao động nghèo và những công việc lao động phổ thông vẫn còn khiến hàng trăm triệu người trên thế giới quan tâm, trong khi sự thiếu bảo trợ xã hội cơ bản nói chung làm tăng tính dễ bị tổn thương của một số lượng lớn cư dân trên hành tinh trước những tổn thương do môi trường và nền kinh tế gây ra. Việc tìm kiếm các giải pháp toàn diện có thể mang lại kết quả tích cực và tạo ra sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển. Chẳng hạn, đầu tư vào cơ sở hạ tầng, quản lý tài nguyên nước và bảo trợ xã hội ở khu vực nông thôn sẽ không chỉ tạo việc làm, khôi phục đất đai và tài nguyên nước; nó cũng sẽ dẫn đến tăng thu nhập, cải thiện năng suất nông nghiệp và tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu hiện nay.

Bằng cách kết hợp các chính sách khác nhau, dựa trên thị trường, quy định, đầu tư công, chính sách mua sắm, nâng cao nhận thức, Nhà nước có thể hỗ trợ các doanh

nghiệp và tạo điều kiện thích hợp để áp dụng phát triển “kinh tế xanh” tại nơi làm việc, đầu tư vào các sản phẩm và dịch vụ xanh mới và việc làm sáng tạo. Nhưng, rõ ràng, sự chuyển đổi như vậy nó sẽ tác động mạnh đến vấn đề việc làm, vì nó ngụ ý định hướng lại một cách triệt để các mô hình phát triển kinh tế của các công ty, quốc gia và khu vực.

Số lượng việc làm được tạo ra ở tất cả các cấp độ của quá trình phát triển kinh tế xanh là một hàm số của mức độ cầu và đầu tư, tác động của thương mại và độ co giãn của việc làm. Tổng lái và lỗ bằng số công nhân sẽ phải thay đổi công việc. Cho dù tác động định lượng tổng thể lên việc làm là tích cực hay tiêu cực phụ thuộc vào mối tương tác phức tạp giữa các luồng công việc này và hỗn hợp chính sách.

Thành phần ngành của nền kinh tế một quốc gia là một yếu tố quyết định khác của tình hình việc làm. Tám lĩnh vực đặc biệt quan trọng vì phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và khí hậu, tiêu thụ nhiều tài nguyên và tác động của chúng là những tác nhân gây ô nhiễm chính là: nông nghiệp, lâm nghiệp, đánh bắt thủy hải sản, năng lượng, sản xuất sử dụng nhiều tài nguyên, tái chế, xây dựng và giao thông vận tải. Chỉ riêng tám ngành này đã sử dụng một nửa lực lượng lao động đang hoạt động trên thế giới. Ở cấp độ doanh nghiệp, chi phí phủ xanh và mất việc làm có thể được giảm thiểu bằng cách cải thiện năng suất. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng có thể đạt được hiệu quả đáng kể và nhiều lĩnh vực trong số này đã có lợi nhuận với công nghệ và giá cả hiện tại.

Chuyển đổi không chỉ có thể làm gián đoạn trình độ và cơ cấu tổng thể của việc làm mà còn ảnh hưởng đến chất lượng việc làm. Bản chất của công việc đang thay đổi trong nhiều ngành, cũng như điều kiện làm việc do công nghệ, quy trình và thực tiễn mới tạo ra. Các công việc được tạo ra trong khuôn khổ này không chỉ phải “xanh” mà còn phải “tốt”, tức là chúng phải có năng suất, cung cấp thu nhập đầy đủ và bảo trợ xã hội, tôn trọng quyền của người lao động và cho họ tiếng nói trong các quyết định của tổ chức, doanh nghiệp và thậm chí là nhà nước ảnh hưởng đến cuộc sống của họ.

2.2. Giải pháp cho việc việc làm bền vững

Sự chuyển dịch sang một nền kinh tế xanh và bền vững hơn mang lại những cơ hội lớn cho sự phát triển xã hội, như tạo ra nhiều việc làm hơn; cải thiện chất lượng của một tỷ lệ lớn việc làm; hòa nhập xã hội trên quy mô lớn.

a. Tạo thêm việc làm

Hầu hết các nghiên cứu về tác động việc làm ròng của các biện pháp chính sách môi trường cho thấy tác động đó là tích cực. Các nghiên cứu toàn cầu, khu vực và cấp quốc gia gần đây cho thấy rằng việc làm ròng đã đạt được những kết quả nhất định. Những lợi ích này có thể lớn hơn ở các nền kinh tế mới nổi và các nước đang phát triển so với các nước công nghiệp phát triển. Bằng cách bổ sung cho cải cách sinh thái các chính sách xã hội và thị trường lao động một cách đầy đủ, có thể bù đắp những tác động tiêu cực tiềm tàng từ các biện pháp cải cách. Một nền “kinh tế xanh hơn” có thể dẫn đến việc làm ròng cho hàng triệu người. Những phát hiện này ủng hộ giả thuyết cổ tức kép, theo đó các biện pháp chính sách có thể đồng thời mang lại lợi ích kinh tế (đặc biệt dưới hình thức mức việc làm cao hơn) và dẫn đến cải thiện môi trường.

Phần lớn việc làm mới được tạo ra trong một nền “kinh tế xanh hơn” sẽ là trong việc sản xuất các sản phẩm và dịch vụ xanh. Từ các dữ liệu cho thấy, mặc dù hạn chế là những công việc mới này sẽ có xu hướng được đặc trưng bởi mức độ chuyên môn, bảo mật và thù lao cao hơn so với các công việc tương đương trong cùng lĩnh vực hoặc lĩnh vực tương tự. Một đánh giá về một loạt các công việc xanh ở Hoa Kỳ cho thấy rằng các hoạt động này so sánh thuận lợi với các công việc không xanh được cung cấp trong các lĩnh vực tương tự về trình độ và mức thù lao. Nghiên cứu từ Đức, Trung Quốc và Tây Ban Nha cũng cho thấy các công việc mới được cung cấp trong lĩnh vực năng lượng tái tạo có chất lượng tốt.

b. Cải thiện chất lượng công việc

Một lực lượng lao động có năng lực, trình độ và động lực là điều cần thiết để có kết quả tốt hơn về mặt môi trường. Trong một số lĩnh vực kinh tế, hoàn toàn có thể, và thực sự cần thiết để nâng cao trình độ, chất lượng chung của việc làm, bằng cách

cải thiện điều kiện làm việc, an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc và cuối cùng là thu nhập, nhằm đạt được một môi trường bền vững cho nền kinh tế. Các lĩnh vực được ưu tiên là nông nghiệp, quản lý và tái chế chất thải, lĩnh vực xây dựng, với những lý do khác nhau và với các lựa chọn phân phối khác nhau.

Nông nghiệp là lĩnh vực sử dụng lao động lớn nhất trên thế giới, với tổng lực lượng lao động ước tính hơn một tỷ người và phần lớn người nghèo trên thế giới phụ thuộc vào lĩnh vực này. Là một trong những ngành sử dụng lớn nhất tài nguyên nước (70%), nó góp phần rất lớn vào việc gây ô nhiễm, cũng như là một trong những nguyên nhân chính gây suy thoái đất và mất đa dạng hệ thống sinh thái. Các bằng chứng hiện có cho thấy rằng những vấn đề môi trường lớn này có thể được giải quyết với một cam kết mạnh mẽ trong việc đào tạo nông dân và hỗ trợ họ áp dụng các phương pháp canh tác hiệu quả, ít ảnh hưởng đến môi trường. Đặc biệt đối với nông dân ở các nước đang phát triển, các chương trình chính sách nông nghiệp bền vững kết hợp nhiều biện pháp khác nhau để xây dựng kỹ năng, tổ chức bảo trợ xã hội và cơ sở hạ tầng có thể dẫn đến cải thiện rõ rệt về kết quả và thu nhập.

Việc làm trong lĩnh vực quản lý và tái chế chất thải sẽ tiếp tục tăng lên khi việc tái chế trở nên phổ biến hơn. Các số liệu nghiên cứu cho thấy, trong số 24 triệu lao động hiện đang làm việc trong lĩnh vực này, chỉ có 4 triệu người làm việc trong khu vực chính thức [4]. Trên thực tế, hầu hết họ làm công việc nhặt rác ở các nước đang phát triển và khu vực phi chính thức, và phụ nữ chiếm một tỷ lệ lớn trong số đó [4]. Lĩnh vực tái chế sẽ chỉ thực sự trở thành một lĩnh vực xanh với việc chính thức hóa việc làm. Ở Brazil, Colombia và Sri Lanka, nơi những người nhặt rác đã được tổ chức thành các hợp tác xã, công ty thành lập, cho thấy rằng chính thức hóa có thể mở ra triển vọng thú vị về hòa nhập xã hội, cải thiện điều kiện sống, làm việc, an toàn và sức khỏe, và cuối cùng là thu nhập.

Lĩnh vực xây dựng, sử dụng ít nhất 110 triệu công nhân trên toàn thế giới [4], có tiềm năng lớn nhất trong việc cải thiện hiệu

quả năng lượng và giảm phát thải ở cả các nước công nghiệp phát triển và đang phát triển. Tuy nhiên, việc xây dựng các tòa nhà sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả lại đặt ra giả thiết về sự tồn tại của các công ty có năng lực và công nhân có trình độ. Điều này có nghĩa là việc tăng cường kỹ năng và chứng nhận của các công ty xây dựng, chính thức hóa và cải thiện điều kiện làm việc với mục đích giữ chân nhân viên có năng lực sẽ là những thành phần quyết định của các chiến lược áp dụng trong lĩnh vực này. Đầu tư vào xây dựng trang thiết bị bổ sung có thể có tác động rất rõ ràng đến việc tạo việc làm trong ngành xây dựng và cho các nhà cung cấp của nó. Chẳng hạn ở Đức, một chương trình hiện đại hóa lớn do công đoàn, người sử dụng lao động và một số tổ chức phi chính phủ (NGO) đồng khởi động đã giúp huy động được số tiền đầu tư gần 100 tỷ euro kể từ năm 2006 và đảm bảo không dưới 300.000 việc làm trong ngành xây dựng [2]. Đối với các quốc gia mới nổi và đang phát triển, việc chuyển thẳng sang xây dựng các tòa nhà công nghệ cao sẽ tránh được các bước trung gian sử dụng nhiều năng lượng, nước và tài nguyên mà các quốc gia khác đã phải chịu đựng trong nhiều thập kỷ.

c. Thúc đẩy hòa nhập xã hội

Chuyển đổi mở ra triển vọng hòa nhập xã hội nhiều hơn, đặc biệt tạo cơ hội tốt hơn cho phụ nữ: Cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng sạch và chi trả cho các dịch vụ sinh thái. Các nỗ lực thúc đẩy năng lượng tái tạo giá cả phải chăng có thể dẫn đến việc tạo ra nhiều việc làm cần thiết trong sản xuất các loại năng lượng này và dẫn đến sự gia tăng lớn về năng suất ở các nước nghèo. Các khoản thanh toán cho các vùng nông thôn và ven biển để bảo vệ rừng, quản lý tài nguyên nước hoặc sản xuất năng lượng tái tạo có thể bù đắp chi phí cơ hội của các dịch vụ sinh thái được cung cấp và dẫn đến giảm nghèo. Các chương trình là một phần không thể thiếu của các tầng bảo trợ xã hội quốc gia, chẳng hạn như Bolsa Verde (Tài trợ Xanh) ở Brazil hoặc Chương trình Công trình Công cộng Mở rộng ở Nam Phi, là những cơ chế đặc biệt hiệu quả để liên kết trực tiếp các mục tiêu môi trường và mục tiêu xã hội.

2.3. Những trở ngại trong việc tạo dựng việc làm bền vững

Những trở ngại đối với việc tạo ra việc làm bền vững (việc làm tốt) và hòa nhập xã hội rộng rãi trong phát triển bền vững về môi trường có thể được phân thành ba loại: 1) chuyển dịch cơ cấu lao động 2) biến đổi khí hậu và hậu quả là mối đe dọa đối với việc làm và sinh kế; 3) hậu quả của việc phân phối thu nhập, đối với tình trạng nghèo năng lượng.

a. Chuyển dịch cơ cấu lao động

Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng đến thị trường lao động ở các nước đang phát triển, nhưng tác động này ít quan trọng hơn toàn cầu hóa. Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều tài nguyên ở các nước chậm phát triển hoặc các nước đang phát triển bị ảnh hưởng trực tiếp nhiều nhất, nhưng việc làm trong các ngành này thực sự tương đối nhỏ, chỉ chiếm 10-12% tổng lực lượng lao động [5]. Cho đến nay, phủ xanh là một yếu tố tương đối nhỏ trong việc mất việc làm. Trên thực tế, những nguyên nhân chính của việc cắt giảm việc làm trong một số lĩnh vực như khai thác mỏ, sản xuất nhiên liệu hóa thạch hay ngành công nghiệp gang thép là sự gia tăng các hoạt động tự động hóa và sự gia tăng năng suất của lực lượng lao động mà chúng ta đã quan sát được trong vài thập kỷ gần đây. Tình hình có thể thay đổi nếu lượng phát thải khí nhà kính được hạn chế đáng kể như yêu cầu của tiêu chí chuẩn khí hậu. Trong trường hợp như vậy, một số lượng lớn việc làm mới chắc chắn sẽ biến mất trong lĩnh vực nhiên liệu hóa thạch.

Các mô phỏng mô hình do OECD thực hiện cho thấy rằng một hệ thống buôn bán khí thải được thiết kế tốt có thể dẫn đến việc giảm đáng kể lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, với cái giá là tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chậm lại trong những thập kỷ tới. Hậu quả chính đối với thị trường lao động của các chính sách cắt giảm này sẽ có hình thức như một sự điều chỉnh về cơ cấu việc làm theo ngành, nhưng những xáo trộn như vậy sẽ không đáng kể so với những xáo trộn được quan sát thấy trong hai thập kỷ qua do toàn cầu hóa. Các nghiên cứu mô hình hóa do cả OECD và ILO thực hiện cũng đã chỉ ra rằng

việc sử dụng thuế môi trường, theo đó tiền thu được từ thuế đánh vào sản xuất năng lượng hoặc phát thải được phân bổ để giảm chi phí lao động, có thể dẫn đến tăng ròng trong công việc.

Các biện pháp xanh hóa cũng có thể bảo vệ việc làm hiện có và cũng mở rộng việc làm đáng kể. Do đó, cải thiện năng suất của năng lượng và nguyên liệu là một yếu tố quan trọng đối với khả năng tồn tại trong tương lai của các ngành công nghiệp sử dụng nhiều tài nguyên. Một lĩnh vực đặc biệt có tiềm năng lớn chính là tái chế lượng lớn năng lượng nhiệt được sản xuất trong các ngành công nghiệp cơ bản. Việc tổng quát hóa đồng phát (sản xuất đồng thời nhiệt và điện) có thể dẫn đến việc tạo ra 2 triệu việc làm trong các cơ sở đồng phát mới [5].

Những nỗ lực trong toàn công ty và toàn ngành đều là những ví dụ tích cực: Những nỗ lực tích cực đối với các hoạt động sử dụng nhiều tài nguyên xanh đã được thực hiện bởi nhiều công ty cá nhân cũng như toàn bộ các lĩnh vực, và các đối tác xã hội thường đóng vai trò quan trọng trong quá trình này. Các công ty đa quốc là những ví dụ về các công ty đã cho nhân viên của họ tham gia vào các chương trình giảm phát thải lớn. Tại Nhật Bản, “Chương trình Người dẫn đầu”, liên quan đến các công ty, công đoàn, người tiêu dùng và trường đại học, đã làm tăng đáng kể hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực điện tử.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) cần đặc biệt quan tâm đến quá trình chuyển đổi. Nói chung, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm hơn 2/3 số việc làm cố định trên toàn thế giới và tạo ra hầu hết các công việc mới, nhưng họ cũng là những người gây ô nhiễm và tiêu thụ tài nguyên lớn. Nhìn chung, họ gặp bất lợi so với các công ty lớn về khả năng tiếp cận thông tin về thị trường xanh và các chương trình chuyên môn hóa xanh, công nghệ mới và hệ thống tài chính mới, và họ gặp nhiều khó khăn hơn trước sự gia tăng giá năng lượng và hàng hóa. Các chính sách có thể tạo điều kiện cho những doanh nghiệp vừa và nhỏ thích ứng tốt với tình hình mới của nền kinh tế xanh và khai thác các cơ hội của nó sẽ là điều cần thiết, ở một số quốc gia như: Hoa Kỳ, Malaysia,

Philippines và các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu đã cho thấy rõ việc giải quyết các nhu cầu của DNVVN trong các chính sách môi trường của họ.

Vì việc hướng tới một nền kinh tế xanh có thể được dự đoán ở một mức độ nào đó, các chính phủ, doanh nghiệp và người lao động có thể làm việc cùng nhau để xác định các vấn đề thích ứng tiềm ẩn càng sớm càng tốt. Việc phân tích các tác động có thể thấy trước là cần thiết để áp dụng các biện pháp kịp thời và có mục tiêu. Kinh nghiệm tích lũy cho đến nay trong bối cảnh tái cơ cấu lớn, ví dụ như ngành sản xuất đường ở Brazil, lâm nghiệp ở Trung Quốc, đánh bắt cá thương mại ở Na Uy, khai thác than ở Ba Lan hoặc ngành công nghiệp thép ở Vương quốc Anh, dẫn đến kết luận rằng an sinh xã hội và phát triển kỹ năng, cũng như đa dạng hóa việc làm và tạo ra các loại việc làm mới, đều là những yếu tố quyết định thành công.

b. Biến đổi khí hậu: sự đe dọa đối với việc làm và sinh kế

Về cộng đồng, doanh nghiệp và người lao động ở các khu vực trên thế giới bị ảnh hưởng bởi bão, lũ lụt, hạn hán và hỏa hoạn. Một số thành phố lớn trên thế giới nằm ở các vùng ven biển hoặc vùng đồng bằng bị ngập lụt. Ở các nước đang phát triển, 14% dân số và 21% cư dân phải sống ở những vùng đất trũng, ven biển có độ tiếp xúc với biến đổi khí hậu cao. Những bộ phận dân cư nghèo nhất ở các nước đang phát triển đặc biệt dễ bị tổn thương vì khả năng thích ứng của họ rất hạn chế. Hơn nữa, suy thoái môi trường đã được coi là một yếu tố của di cư. Năm 2002, Tổ chức Liên hợp quốc về Người tị nạn (UNHCR) ước tính rằng, trên toàn thế giới, số người phải lánh nạn do lũ lụt, nạn đói hoặc các yếu tố môi trường khác là 24 triệu người, cao hơn so với tổng số những người tị nạn đã đăng ký khác, bao gồm cả do xung đột vũ trang [5].

Thích ứng sẽ là điều cần thiết để bảo vệ doanh nghiệp, nơi làm việc và cộng đồng:

Ngay cả khi lượng khí thải giảm mạnh như hiện nay, hiện tượng nóng lên toàn cầu được dự báo vẫn sẽ tiếp tục trong vài thế kỷ nữa. Theo một nghiên cứu năm 2010 của Ngân hàng Thế giới, chi phí dự kiến cho việc thích ứng biến đổi khí hậu, tính theo đô la hiện tại cho giai đoạn 2010 - 2050, sẽ là

75-100 tỷ đô la Mỹ mỗi năm đối với các nước đang phát triển[5].

Tính đến tháng 11 năm 2012, 47 trong số 48 quốc gia kém phát triển nhất đã thiết lập chương trình hành động quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu [5]. Hầu hết các nền kinh tế mới nổi và các nước tiên tiến cũng có một chương trình quốc gia. Mặc dù người ta thừa nhận rằng các phương pháp tiếp cận có khả năng đảm bảo thích ứng tốt với biến đổi khí hậu tương tự như các biện pháp được chỉ định chung cho phát triển bền vững, các chính sách và chiến lược hiện có, chẳng hạn như các chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu, vẫn là một phần rất khiêm tốn đối với vấn đề việc làm và thu nhập. Các ví dụ từ Bangladesh và Namibia về đánh giá quốc gia, tác động của biến đổi khí hậu đối với việc làm và xã hội cho thấy rằng những đánh giá đó là cần thiết để làm cơ sở cho các biện pháp thích ứng. Để xác định các chiến lược thích ứng phù hợp, điều cần thiết là phải có dữ liệu về thị trường lao động, việc làm và thu nhập của hộ gia đình và doanh nghiệp.

c. Năng lượng và tác động của nó đối với phân phối thu nhập

Giá năng lượng tăng do thiếu hụt, thay đổi quy định hoặc thuế có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng cho các hộ gia đình nghèo. Các hộ gia đình nghèo chi tiêu lớn hơn nhiều trong thu nhập của họ cho năng lượng và các hàng hóa liên quan đến năng lượng, chẳng hạn như thực phẩm, và ít có khả năng cắt giảm loại chi tiêu này khi giá cả tăng lên. Theo IIES, gần một nửa số quốc gia có dữ liệu, tỷ lệ chi tiêu cho thực phẩm của các hộ gia đình trong nhóm dân số nghèo vượt quá 60%, như: 38% ở Mỹ Latinh, 70% ở châu Á và 78% ở châu Phi [6].

Do đó, điều quan trọng là phải tính đến các tác động phân phối khi xem xét các chính sách có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi sang nền kinh tế Cac-bon thấp. Ví dụ, các chương trình kinh doanh giảm khí Cac-bon và biểu giá áp dụng cho khách hàng sử dụng điện có xu hướng có tác động lũy thoái mạnh hơn so với thuế cac-bon nói chung. Các tầng bảo trợ xã hội có thể hữu ích, nhưng với sự thay đổi cao trong việc sử dụng của các hộ gia đình từ

nhóm này sang địa phương khác, sự đánh đổi có thể phức tạp. Việc mở rộng triệt để các khoản đầu tư xã hội sinh thái nhằm hỗ trợ tiếp cận năng lượng và nhà ở năng lượng thấp và cơ sở hạ tầng giao thông thường được coi là sự bổ sung hiệu quả hoặc thậm chí là một giải pháp thay thế tốt. Brazil cho chúng ta một ví dụ về loại hình đầu tư này với chương trình Programa Minha Casa, Minha Vida (My house, My life). Tại Bangladesh, chương trình nhà ở sử dụng năng lượng mặt trời và thành lập các hợp tác xã sản xuất năng lượng là những cách để mở rộng khả năng tiếp cận cho 1,3 tỷ công dân của đất nước, những người vẫn chưa có năng lượng sạch giá cả phải chăng, mang lại vô số triển vọng phát triển kinh doanh hơn nữa.

2.4. Phát triển việc làm bền vững hướng đến mục tiêu Net zero của Việt Nam vào năm 2050

Vấn đề đầu tiên đó là, liệu - và bằng cách nào - một nền kinh tế bền vững với môi trường có thể mang lại cơ hội tạo việc làm tốt và cải thiện hòa nhập xã hội.

Ở vấn đề này cho thấy việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên - rừng, nguồn thủy sản và nguồn nước từ các sông ngòi đang bị ô nhiễm ngày càng trầm trọng, bao gồm cả phát thải khí nhà kính, đang khiến hành tinh của chúng ta bị căng thẳng tột độ. Tình trạng hiện nay không chỉ không bền vững về mặt môi trường mà còn đi kèm với những chi phí kinh tế và xã hội ngày càng lớn. Các quy trình và hệ thống quan trọng đối với hoạt động kinh doanh và sinh kế của người dân đang bị gián đoạn, và những tác động tiêu cực đến nền kinh tế, xã hội do suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu đe dọa làm mất đi nhiều kết quả tích cực đã đạt được trong phát triển và xóa đói giảm nghèo trong những thập kỷ gần đây, bao gồm cả việc từng bước đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế đến năm 2050. Và chúng ta càng cố gắng để giải quyết vấn đề này, tuy nhiên tình hình sẽ trở nên tồi tệ hơn sau đại dịch Covid - 19 đã làm cho hơn 1,4 triệu người Việt Nam thất nghiệp, kèm theo đó là những áp lực từ môi trường cũng có thể làm suy yếu hơn nữa sự gắn kết xã hội và làm trầm trọng thêm tình trạng bất ổn ở một số vùng miền, chẳng hạn như hiện tượng hạn

hán, thiếu nước ngọt ở Tây Nam Bộ, lũ lụt ở miền Trung,

Những vấn đề về môi trường như biến đổi khí hậu và quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững với lượng khí thải carbon thấp sẽ có những tác động mạnh mẽ đến cơ cấu sản xuất và tiêu dùng, đối với các công ty và người lao động. Việc tái tập trung cần thiết sẽ không thể thực hiện được nếu không có nỗ lực rộng rãi nhằm hướng tới các doanh nghiệp xanh trên toàn nền kinh tế. Mặt khác, cần giảm thải khí nhà kính bao hàm sự chuyển dịch trong các ngành kinh tế và giữa các thành phần kinh tế cũng như giữa các vùng. Sản xuất và việc làm trong các ngành công nghiệp và dịch vụ các-bon thấp, trong quản lý và tái chế chất thải, và trong việc khôi phục tài nguyên thiên nhiên sẽ tăng lên. Ngược lại, các lĩnh vực năng lượng và sử dụng nhiều tài nguyên có khả năng bị đình trệ hoặc thậm chí là ngừng hoạt động. Với các biện pháp thích ứng được thiết kế tốt, khả năng chống chịu với khí hậu có thể đi đôi với tạo việc làm và giảm nghèo. Việc làm xanh có thể đóng vai trò là cầu nối giữa chiến lược phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo môi trường bền vững.

Các tổ chức, cơ quan ban ngành và chính phủ từ lâu đã tích cực tham gia vào việc thúc đẩy phát triển bền vững. Tuy nhiên, nhiều cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội và môi trường đã xảy ra trên thế giới trong những năm gần đây đang tạo ra một cảm giác bất an và cấp bách cho thị trường lao động Việt Nam. Chúng ta cần phải đưa ra chiến lược cho phát triển nền kinh tế xanh trong bối cảnh hiện nay, với mục tiêu phát triển bền vững và quản lý môi trường.

Việc chuyển đổi sang một nền kinh tế bền vững hơn về môi trường và bao trùm hơn về mặt xã hội đòi hỏi phải định hướng lại tăng trưởng để đảm bảo rằng các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường được coi trọng như nhau trong việc xác định các mục tiêu. Về khía cạnh này, những chiến lược phát triển việc làm nghiêm túc có thể đóng vai trò là một khuôn khổ chính sách chung, nhất quán và do đó góp phần củng cố lẫn nhau và tích hợp tốt hơn các chính sách và mục tiêu liên quan đến tình hình kinh tế vĩ mô, đầu tư, việc làm, xã hội và bảo vệ môi

trường. Tuy nhiên, trong nỗ lực này, cần phải chuyển khái niệm phát triển bền vững thành chính sách cụ thể và đảm bảo rằng ba khía cạnh này được tính đến đồng thời và bình đẳng.

Thật vậy, các vấn đề môi trường và các vấn đề xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và thu nhập phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và hệ thống có thể gây hại cho chúng. Cùng với khai thác, chúng ta cũng cần có các chính sách khôi phục và tăng cường tính bền vững của môi trường. Với phạm vi và mức độ khẩn cấp của các vấn đề hiện tại, rõ ràng chúng ta cần có nguồn lực cũng như thời gian để giải quyết chúng một cách nhất quán và liên tiếp. Những vấn đề này sẽ phải được xem xét cùng nhau, như những yếu tố bổ sung cho một tổng thể. Trong bối cảnh đó, câu hỏi đặt ra là bằng cách nào để phát triển một nền kinh tế bền vững với môi trường có thể mang lại cơ hội tạo việc làm bền vững và cải thiện hòa nhập xã hội.

Phải thừa nhận rằng hội nhập phát triển, đổi mới cơ cấu kinh tế trong những thập niên gần đây đã giúp hàng triệu người Việt Nam vươn lên thoát khỏi cảnh thất nghiệp, nghèo đói, nhưng những tác động tích cực của nó được phân bổ không đồng đều và gây ảnh hưởng rất nhiều cho môi trường. Trong tương lai, tăng trưởng kinh tế và hệ lụy của nó để có một công việc bền vững, mức sống cao hơn, hạnh phúc được cải thiện - sẽ phụ thuộc chặt chẽ vào việc bảo tồn, quản lý và phục hồi các tài nguyên thiên nhiên. Về mặt này, nếu làm không tốt sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt là đối với người nghèo, và những người có công việc không ổn định, thu nhập thấp.

Sự chuyển đổi về phát triển bền vững, với mục tiêu chính là một nền kinh tế bền vững hơn với môi trường, mang lại cơ hội việc làm tốt cho cá nhân và xã hội. Các cơ quan ngày càng đưa ra các minh chứng chứng minh rằng sự chuyển dịch sang một nền kinh tế bền vững hơn với môi trường không chỉ là điều cần thiết, đặc biệt là từ góc độ thị trường lao động, mà còn thực sự có thể dẫn đến thu nhập từ việc làm, cải thiện đáng kể chất lượng việc làm và thu nhập và tiến bộ đáng kể về cả công bằng và hòa nhập xã hội. Những lợi ích này không

phải là tự động, các chính sách phù hợp vẫn cần được áp dụng. Tương tự, các chính sách đầy đủ và chặt chẽ có thể giảm thiểu các vấn đề mà tính bền vững môi trường đặt ra ở cấp độ thế giới việc làm. Các cơ quan, tổ chức và các nhân có thể tận dụng lợi thế của sự chuyển dịch cơ cấu nhằm hướng tới một tổ chức sản xuất và tiêu dùng bền vững hơn để khuyến khích quá trình chuyển đổi tổng thể hướng tới việc làm tốt cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, dù mối quan hệ giữa khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội của phát triển bền vững đã là một trong những trụ cột, nhưng các tác động của việc theo đuổi đồng thời tính bền vững môi trường và công việc tốt này chưa được phổ biến rộng rãi, vì vậy đòi hỏi phải có các quan, tổ chức thực hiện chỉ đạo hướng dẫn, các phương tiện truyền thông đại chúng thông tin, quảng bá thậm chí là kêu gọi cá nhân và xã hội cùng tham gia.

Đối với một nền kinh tế bền vững với môi trường để tạo ra kết quả tích cực về việc làm, công việc tốt và các doanh nghiệp bền vững, chúng ta cần các gói chính sách chung được điều chỉnh cụ thể cho phù hợp với các ngành nghề như sau:

Ở Việt Nam nói riêng, cũng như các quốc gia trên thế giới nói chung, đối với các ngành sử dụng tài nguyên và phát thải cao cũng gặp phải những vấn đề như các ngành nghề cơ cấu sản xuất truyền thống, gây tác hại cho môi trường và chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu (ví dụ như nông nghiệp hoặc du lịch).

Các chính sách về điều khoản và tiền tệ kinh tế vĩ mô có thể định hướng lại nhu cầu và đầu tư từ các doanh nghiệp, người tiêu dùng và nhà đầu tư với các tín hiệu kinh tế và động lực đến từ các xu hướng kinh tế: thuế, bảo đảm giá cả, hỗ trợ, quy định và cuối cùng là tài chính và đầu tư công. Thuế môi trường làm tăng giá tiêu thụ năng lượng và ô nhiễm và giảm chi phí lao động, kết hợp với các mục tiêu và thời hạn rõ ràng và ổn định để phủ xanh và giảm phát thải, có thể đóng góp mạnh mẽ vào các khoản đầu tư xanh và tạo việc làm ròng. Phát hiện này đặc biệt áp dụng trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế trong bối cảnh sau đại dịch Covid - 19. Chẳng hạn như ngành Du lịch đã tạo ra hàng triệu việc làm với chương trình kinh tế

mũi nhọn, kích thích sinh thái. Mặt khác, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vừa qua dẫn đến việc thắt lưng buộc bụng về ngân sách hiện nay có thể là một trở ngại cho tăng trưởng xanh.

Các chính sách ngành được sử dụng rộng rãi thường dựa trên các quy định về môi trường, khuyến khích tài chính và các yêu cầu, ví dụ như tỷ lệ phần trăm năng lượng tái tạo trong nguồn cung cấp điện, tiêu chuẩn tiêu thụ năng lượng trung bình cho các phương tiện cơ giới hoặc các khu dự trữ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp nhằm bảo tồn đa dạng sinh học. Hầu hết các khoản đầu tư công vào bền vững môi trường đều nhằm vào các lĩnh vực chính: năng lượng, xây dựng, giao thông, quản lý đất và nước. Các quốc gia đã thành công tốt đẹp khi sử dụng chính sách công nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xanh hóa nền kinh tế, bao gồm Đức (đặc biệt là các công trình xanh), Brazil (ethanol và dầu diesel sinh học), Trung Quốc (tất cả các năng lượng tái tạo), Đan Mạch (năng lượng gió), Tây Ban Nha (năng lượng gió và mặt trời năng lượng) và Nhật Bản (giao thông sinh thái) [5].

Các chính sách xã hội và lao động được thông qua để chuyển đổi sang nền kinh tế xanh là sự kết hợp lý tưởng giữa bảo trợ xã hội, việc làm, phát triển kỹ năng và cuối cùng là các chính sách thị trường lao động chủ động và thụ động. Các biện pháp bảo trợ xã hội nhằm củng cố năng lực thích ứng của người nghèo và mở ra cơ hội áp dụng các thực hành bền vững. Bảo trợ xã hội cũng chuyển đổi với những người lao động nghèo và lao động không ổn định, chuyển thành lao động cố định, đảm bảo thu nhập, khả năng đạt được chuyên môn hóa và cuối cùng là tính bền vững cao hơn. Các khoản thanh toán cho các dịch vụ hệ sinh thái có thể liên kết khả năng tiếp cận có mục tiêu đến các cơ hội việc làm với các khoản đầu tư đáng kể vào cơ sở hạ tầng sản xuất.

Cần giải quyết tình trạng thiếu hụt công nhân lành nghề và áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp: Tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề cao đang khiến quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh hơn rất khó khăn ở hầu hết các lĩnh vực. Do đó, cần hoạch định các chính sách về phát triển kỹ năng và các bài học kinh

nghiệm. Các bài học kinh nghiệm từ sự chuyển đổi của các nước phát triển trên thế giới cho thấy rằng cần phải: dự đoán nhu cầu trong tương lai đối với các chuyên ngành và điều chỉnh hệ thống giáo dục và đào tạo; phải tính đến giá trị của việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học; và cuối cùng, thừa nhận rằng phát triển kỹ năng thể hiện một phương tiện thích ứng với biến đổi khí hậu và tái cơ cấu thị trường lao động.

Để hướng tới sự bền vững hơn, các công ty phải có khả năng sản xuất nhiều loại hàng hóa và dịch vụ sinh thái hơn và thích ứng với các phương pháp sản xuất sạch hơn. Do đó, các chính sách ngày càng tập trung vào việc thực hiện các chính sách điều tiết và chính sách về vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất hàng hóa và dịch vụ xanh, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vấn đề “xanh hóa” cần bao gồm đào tạo khởi nghiệp xanh, thiết kế nơi làm việc và định nghĩa chuỗi giá trị. Cũng cần tăng cường năng lực thích ứng của các doanh nghiệp, với cơ sở hạ tầng vật chất chống chịu được thiên tai, các chương trình sẵn sàng ứng phó với rủi ro thiên tai và cuối cùng là một hệ thống phát triển kỹ năng và bảo hiểm đầy đủ.

Một nền kinh tế bền vững về môi trường phải tích hợp an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc vào các chính sách lao động, sinh hoạt, thị trường, khai thác và tái chế. Các tiêu chuẩn cho kinh tế bền vững nhằm thúc đẩy các nguyên tắc chung áp dụng cho bất kỳ loại hình dịch vụ kinh tế hoặc nơi làm việc nào, nhưng một số trong số đó cũng nhằm trực tiếp vào việc bảo vệ môi trường.

Đối thoại xã hội ở tất cả các cấp và sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ và các đối tác xã hội sẽ là chìa khóa thành công của bất kỳ sự biến đổi nào: Sự cần thiết có sự tham gia của người lao động và người sử dụng lao động trong quản trị đã được ghi nhận trong Chương trình nghị sự 21 và thậm chí còn nhận được sự quan tâm lớn hơn trong tài liệu được công bố sau Hội nghị Rio + 20. Cần lưu ý rằng ngày càng nhiều quốc gia, thường được sự hỗ trợ của các tổ chức người sử dụng lao động và công đoàn, đang áp dụng các sáng kiến liên quan đến bền vững môi trường, xanh hóa nền kinh tế và

tăng trưởng. Có thể thấy rằng ngày càng nhiều quốc gia đang xem xét áp dụng các chính sách việc làm được đặt dưới dấu hiệu sinh thái hoặc nhắm mục tiêu rõ ràng vào việc phát triển các kỹ năng, chuyên môn và doanh nghiệp, bảo trợ xã hội hoặc chỉ trong một quá trình chuyển đổi.

Trong những năm gần đây, ngày càng nhiều quốc gia nhanh chóng bắt tay vào các chiến lược và chính sách để phát triển bền vững kinh tế cũng như xanh hóa nền kinh tế hoặc tăng trưởng. Trong khuôn khổ Hội nghị Rio + 20, các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế khác và các ngân hàng phát triển đã đưa ra hoặc mở rộng các sáng kiến được thiết kế để chia sẻ kiến thức, cung cấp tư vấn và hỗ trợ tài chính. Đối với Việt Nam, việc khai thác sự thay đổi cơ cấu đòi hỏi các chính sách kinh tế và môi trường có tính đến tác động của chúng đối với thị trường việc làm, xã hội, việc làm và đào tạo việc làm, và các chính sách thị trường lao động kết hợp tính bền vững môi trường như một mục tiêu cụ thể, mà không làm suy yếu triển vọng đạt được của doanh nghiệp bền vững và đạt được công việc tốt. Thiết lập các thể chế và phát triển các cơ chế quản trị vì sự phát triển bền vững về môi trường ở tất cả các cấp, bao gồm các bộ lao động và phát triển xã hội, các tổ chức của người sử dụng lao động và công đoàn, sẽ là chìa khóa để đạt được sự hội nhập và nhất quán cần thiết.

3. Kết luận

Thực tiễn cho thấy, việc nhân rộng nhanh chóng các sáng kiến trong nước và quốc tế được báo cáo, minh chứng rõ ràng rằng việc tìm kiếm một mô hình phát triển bền vững về việc làm được kích thích bởi nhận thức rằng đảm bảo sự bền vững về môi trường là một điều cần thiết, bao gồm cả đối với tất cả các thị trường lao động, doanh nghiệp bền vững và các quốc gia trên thế giới.

Không thể phủ nhận môi trường là một vấn đề đối với xã hội và đối với thế giới việc làm. Công việc hiệu quả không thể là nền tảng của phát triển bền vững nếu mỗi liên hệ này với các vấn đề môi trường không được công nhận và xem xét một cách hợp lý trong các chính sách và thực tiễn.

Có thể thấy rằng, không thể có sự bền vững về môi trường nếu không có sự tham gia tích cực của các bên trong thế giới việc làm. Ngược lại, khi các mối liên hệ này được xem xét một cách hợp lý, các khía cạnh xã hội và môi trường có thể trở nên bổ sung cho nhau và thậm chí những thách thức nhất định, chẳng hạn như sự thích ứng cần thiết với biến đổi khí hậu, có thể biến thành cơ hội tạo nền tảng cho việc làm bền vững.

Như vậy, việc làm bền vững, nền kinh tế xanh và môi trường là ba trụ cột không thể tách rời trong phát triển kinh tế bền vững của một quốc gia nói riêng và thế giới nói chung. Ba trụ cột này cần phải giải quyết đồng thời trong mối liên quan chặt chẽ.

Tài liệu tham khảo

1. Angela, M. (2020). Việt Nam tham gia nỗ lực chống khai thác IUU của ASEAN. The ASEAN Post. Truy cập tại: <https://theaseanpost.com/article/vietnam-joins-asean-effort-combat-iuu-fishing> (Thursday, 3 November 2020).
2. Banque mondiale: *Global Monitoring Report (2012). Food prices, nutrition, and the Millennium Development Goals*. Washington. DC.
3. CCNUCC. (2007). *Climate change: Impacts, vulnerabilities and adaptation in developing countries*. Bonn.
4. Chan, A. (2019). “Việt Nam đã phê chuẩn ILO CU 98. Còn Trung Quốc thì sao?”, *Tạp chí Quốc tế Quyền Công đoàn*, Số 26, trang 4-5. Truy cập tại: www.jstor.org/stable/10.14213/inteuniorig h.26.3.0004.
5. OCDE et Organisation des Nations Unies pour l'alimentation et l'agriculture (FAO) (2011) *Perspectives agricoles de OCDE et de la FAO 2012-2021*. Paris.
6. OCDE (2008). *Gender and sustainable development: Maximizing the economic, social and environmental role of women*. Paris, 2008.
7. N. Stern. (2007). *The economics of climate change: The Stern Review*. Cambridge. Cambridge University Press.